mìng gēn zi

命根子

noun (figurative) · one's most precious thing, lifeline

Example Sentences

Zhè ge hái zi shì tā de mìng gēn zi
这个孩子是他的命根子。

This child is his most precious thing.

Duì nóng mín lái shuō tǔ dì jiù shì mìng gēn zi
对农民来说，土地就是命根子。

For farmers, land is their lifeline.

Trace each character, then write the word on your own.